

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Như Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đào Thị Minh;
Bà Nguyễn Thị Hồng Ninh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiện Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhiên – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 05 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 49/2022/TLST-HS ngày 11 tháng 05 năm 2022 theo Quyết định đưa ra xét xử số 51/2022/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 05 năm 2022, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị H, sinh năm 1980; đăng ký hộ khẩu thường trú: Phòng 2, tầng x, nhà Bx tập thể J, phường J, quận D, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Không cố định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; họ tên cha: Nguyễn Bình, sinh năm 1954, đã chết; họ tên mẹ: Ngô Thị Thúy C, sinh năm 1961, đã chết; bị cáo là con duy nhất trong gia đình; họ tên chồng: Ngô Thái Dương, sinh năm 1960, đã ly hôn; bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 20xxx; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 03/03/2022 đến ngày 09/03/2022 chuyển tạm giam. Hiện đang bị áp dụng biện pháp tạm giam tại Trại tạm giam số 2, Công an thành phố Hà Nội, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Chị Bùi Ngọc L, sinh năm 1986; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 10B S, phường X, quận X, Hà Nội; nơi cư trú: Số xx Hải Âu xx, Vinhomes N, xã M, huyện K, Hà Nội, vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Phạm Thanh C, sinh năm 1978; nơi cư trú: Số 10 Hàng XXx, phường Hàng XXx, quận X, Hà Nội, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 03/3/2022, Công an xã M, huyện K, Hà Nội nhận được đơn trình báo của chị Bùi Ngọc L, sinh năm 1986; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 10B S, phường X, quận X, Hà Nội; nơi cư trú: Số 42 Hải Âu xxx, Vinhomes N, xã M, huyện K, Hà Nội về việc ngày 01/03/2022, Nguyễn Thị H là người giúp việc cho gia đình nhà chị đã lấy trộm 01 dây chuyền vàng trắng, có mặt vàng trắng hình bông hoa. Ngày 03/03/2022, Nguyễn Thị H đến Công an xã M, huyện K, Hà Nội đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi lấy trộm sợi dây chuyền vàng trắng, có mặt vàng trắng hình bông hoa của chị L.

Vật chứng thu giữ, do Nguyễn Thị H giao nộp gồm:

- 01 điện thoại kiểu máy VIVO xxx06 đã qua sử dụng bên trong có lắp sim liên lạc 0866185076.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thị H đã khai nhận hành vi phạm tội như sau: Vào tối ngày 27/02/2022, chị được nhận vào làm giúp việc cho gia đình chị Bùi Ngọc L và ăn ở tại nhà chị L ở số 42 Hải Âu xxx, Vinhomes N, M, K, Hà Nội. Do biết chị L để sợi dây chuyền bằng vàng trắng, có mặt vàng trắng hình bông hoa để ở phòng ngủ trên tầng 3 nên Hà nảy sinh ý định lấy trộm tài sản trên để bán lấy tiền tiêu xài. Để lấy được sợi dây chuyền vàng trên, khoảng 14 giờ ngày 01/03/2022, Hà bảo cháu Nguyễn Diệu Linh (là con gái của chị L) mở cửa phòng chị L ở tầng 3 để Hà lấy quần áo bẩn đi giặt. Sau khi Linh mở cửa phòng tầng ba cho Hà thì Linh đi ra ngoài và lên tầng bốn. Lúc này, chỉ có một mình Hà ở trong phòng, Hà đi đến gần kéo bàn trang điểm mở ra lấy trộm sợi dây chuyền bằng vàng, có mặt vàng trắng hình bông hoa của chị L cất giấu vào túi áo khoác bên phải đang mặc. Lấy được tài sản Hà thuê xe ôm (không rõ tên tuổi địa chỉ) chở đến cửa hàng vàng XXx Tân Dung; địa chỉ: Số 10 Hàng XXx, quận X, Hà Nội và bán sợi dây chuyền vừa trộm cắp được cho chị Phạm Thanh C, sinh năm 1978 là quản lý cửa hàng với giá 15.000.000 đồng. Sau đó, Hà bảo chị C chuyển tiền vào tài khoản BIDV số 12610000881982 cho Hà, nhận được tiền Hà tiếp tục dùng điện thoại kiểu máy ViVo xxx06 của Hà để chuyển toàn bộ số tiền này vào tài khoản ngân hàng VIB, số tài khoản 040704060077170 của Hà, Hà dùng số tiền 15.000.000 đồng nạp đầu tư vào tiền ảo trên mạng và đã bị thua lỗ hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 39/KL- HĐĐGTS ngày 10/03/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện K kết luận: 01(Một) dây chuyền vàng trắng của Ý 18k có tổng trọng lượng là 4,15g được mua tháng 05/2019 tại thời điểm xảy ra vụ việc có giá trị 21.500.000 đồng (Hai mươi một triệu năm trăm nghìn đồng); 01 mặt vàng trắng của Ý hình bông hoa 18k có tổng trọng lượng là 2,706g, được mua tháng 05/2019 tại thời điểm xảy ra vụ việc có giá trị 14.700.000 đồng (Mười bốn triệu bảy trăm nghìn đồng). Tổng trị giá là: 36.200.000 đồng (Ba sáu triệu hai trăm nghìn đồng).

Đối với 01 điện thoại kiểu máy ViVo xxx06 đã qua sử dụng thu giữ của Hà, Hà dùng để chuyển số tiền 15.000.000 đồng có được do bán tài sản trộm cắp mà có đầu tư vào tiền ảo trên mạng.

Đối với chị Phạm Thanh C là người mua 01 sợi dây chuyền bằng vàng, có mặt vàng trắng hình bông hoa của Hà, chị C không biết đây là tài sản trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K không có căn cứ xử lý Phạm Thanh C về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Bị hại Bùi Ngọc L có yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị H bồi thường giá trị tài sản đã chiếm đoạt là 36,200,000 đồng. Bị cáo Hà đồng ý với yêu cầu bồi thường của bị hại nhưng chưa thực hiện được việc bồi thường cho bị hại.

Tại Cơ quan điều tra Công an huyện K, Nguyễn Thị H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 50/CT-VKSGL ngày 05 tháng 05 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra và Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo đồng ý bồi thường thiệt hại cho chị L số tiền 36,200,000 đồng và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố theo Cáo trạng; sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 18 tháng đến 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 03/03/2022; không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Hà.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho bị hại là chị Bùi Ngọc L số tiền 36,200,000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại kiểu máy ViVo xxx06 đã qua sử dụng, bên trong gắn sim số, đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Hà do liên quan đến hành vi phạm tội.

Sau khi nghe Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội, bị cáo không có tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng, bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân huyện K và Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị hại là chị Bùi Ngọc L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Phạm Thanh C vắng mặt tại phiên tòa nhưng trước đó đã có lời khai đầy đủ tại Cơ quan điều tra và có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt của chị L, chị C không gây trở ngại cho việc xét xử. Theo quy định tại khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị L và chị C.

[3] *Về hành vi phạm tội và tội danh:*

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, phù hợp với sơ đồ, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 14 giờ ngày 01/3/2022, tại số nhà 42 Hải Âu xxx, Vinhomes N, xã M, huyện K, Hà Nội, bị cáo Nguyễn Thị H có hành vi trộm cắp 01 dây chuyền vàng trắng của Ý 18k có tổng trọng lượng là 4,15g có giá trị 21.500.000 đồng và 01 mặt vàng trắng của Ý hình bông hoa 18k có tổng trọng lượng là 2,706g, có giá trị 14.700.000 đồng của chị Bùi Ngọc L; tổng giá trị tài sản Nguyễn Thị H đã trộm cắp là 36,200,000 (Ba mươi sáu triệu hai trăm nghìn)

đồng. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của cá nhân nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”; tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] *Về hình phạt áp dụng đối với bị cáo:*

[4.1] *Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:* Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản thuộc sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ, gây bất bình trong quần chúng nhân dân và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được tác hại và hậu quả gây ra nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội với động cơ vụ lợi cá nhân.

[4.2] *Về nhân thân bị cáo:* Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nhưng không có nơi cư trú rõ ràng hoặc nơi làm việc ổn định.

[4.3] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Sau khi trộm cắp tài sản, bị cáo đã tự nguyện ra trình diện và khai báo với cơ quan có thẩm quyền về hành vi phạm tội của mình. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Như vậy, bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4.4] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tổng hợp nhận định ở trên, Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian bằng việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn để đảm bảo việc răn đe, giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tại phiên tòa là phù hợp.

[4.5] *Về hình phạt bổ sung:* Bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thể hiện: Bị cáo không có việc làm, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] *Về xử lý vật chứng:* Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Hoàn trả bị cáo 01 chiếc điện thoại kiểu máy ViVo xxx06 đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo do không liên quan đến hành vi phạm tội.

[6] *Về trách nhiệm dân sự*: Bị hại là chị Bùi Ngọc L yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt là 36,200,000 đồng. Theo quy định tại các Điều 584, 585, 586 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải bồi thường thiệt hại số tiền 36,200,000 đồng cho người bị hại là chị L.

[7] *Về án phí*: Bị cáo phạm tội phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại được chấp nhận theo quy định của pháp luật.

Bị hại là chị Bùi Ngọc L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9] *Về các nội dung khác*:

Đối với chị Phạm Thanh C là người mua 01 sợi dây chuyền bằng vàng, có mặt vàng trắng hình bông hoa của Hà, chị C không biết đây là tài sản trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K không có căn cứ xử lý Phạm Thanh C về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Về tội danh*: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. *Về hình phạt*:

2.1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H xxx tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 03/03/2022.

2.2. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

3. *Về xử lý vật chứng*: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Hoàn trả bị cáo 01 chiếc điện thoại ViVo xxx06, bên trong lắp sim, mặt kính màn hình bị vỡ, ,áy cũ đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo (tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan điều tra Công an huyện K và Chi cục Thi hành án dân sự huyện K ngày 19/05/2022).

4. *Về trách nhiệm dân sự*: Áp dụng các Điều 584, 585, 586 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải bồi thường thiệt hại số tiền 36,200,000 đồng cho người bị hại là chị Bùi Thị L.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn xin thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong các khoản tiền thì hàng tháng

bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. *Về án phí*: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2014/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo,

Bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu 200,000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1,810,000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. *Về quyền kháng cáo*: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại là chị Bùi Thị L vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Phạm Thanh C vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND phường J (thay cho Thông báo kết quả xét xử);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Như Trọng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA